TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TRÀ VINH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2021/HS-ST
Ngày: 22-12-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thành

Ông Võ Chí Tình

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Vũ Lăng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 58/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn M, sinh ngày 09/5/1991, tại thành phố T, tỉnh T. Nơi cư trú: số 78/18, khóm 1, phường , thành phố T, tỉnh T; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Huỳnh A, sinh năm 1966 (đã chết); bị cáo có vợ tên Phạm Thị Thu Đ, sinh năm 1992; con có 01 người tên Phạm Bảo L, sinh năm 2011; tiền án: 01 lần ngày 17/01/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (chưa được xóa án tích); tiền sự: 01 lần (ngày 16/6/2020) bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T ra Quyết định số: 10/QĐ-TA, ngày 19/6/2020 áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; bị cáo có nhân thân xấu; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/7/2021 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Ông Kiến Văn Ng, sinh năm 1964 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp V, xã L, thành phố T, tỉnh T.

- Người làm chứng:

Ông Từ Vũ H, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Nơi cư trú: số 198, khóm 3, phường , thành phố T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 30, ngày 25/7/2021, bị cáo Nguyễn Văn M rủ Từ Vũ H (tý ty), sinh năm 1988, nơi cư trú: Số 198, khóm 3, phường , thành phố T, tỉnh T đi mua gà thì H đồng ý. H điều khiển xe mô tô chở bị cáo ngồi sau đi về hướng xã L, thành phố T, tỉnh Trà V, khi đang đi trên đường Nguyễn Tấn L thuộc ấp V, xã L, thành phố T, tỉnh T, bị cáo thấy trước căn chòi lá của ông Kiến Văn N, sinh năm 1964, ngụ ấp S, xã L, thành phố T, tỉnh Trà V có để một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius, biển số 84C1-159.26 không người trông coi nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe này bán lấy tiền tiêu xài. Bị cáo giả vờ nghe điện thoại hỏi mượn xe của người quen, mục đích không cho H biết và yêu cầu H dừng xe lại để bị cáo một mình đi vào căn chòi lá quan sát thấy không có người trông coi, xe không có khóa cổ bị cáo liền lấy trộm chiếc xe mô tô trên và cấm chìa khóa khác lên xe dẫn ra đường Nguyễn Tấn L chỗ H đứng đợi, do không khởi động được nên bị cáo ngồi lên xe để H đẩy đi đến ngã ba Cầu T thì bị cáo kêu H dừng lại để bị cáo đi sửa còn H điều khiển xe mô tô chạy đi trước. Sau đó bị cáo đục một lỗ phía trước mặt nạ của xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius, biển số 84C1-159.26 để bứt dây điện rồi khởi động xe chạy về nhà của Thạch Thành Đ, sinh năm 1984, ngụ: khóm 6, phường , thành phố T, tỉnh T gặp một người thanh niên (không rõ tên và địa chỉ cụ thể) cho bị cáo một biển số 84B1-192.93 để gắn vào chiếc xe mô tô vừa trộm được. Còn biển số 84C1-159.26 bị cáo đã vứt bỏ. Đến ngày 29/7/2021 bị cáo biết hành vi trộm cắp tài sản của mình đã bị phát hiện nên bị cáo mang xe mô tô trên ra dựng ở vỉa hè đường tuyến số 1, thuộc khóm 6 phường , thành phố T, tỉnh Trà V nhằm mục đích cho lực lượng chức năng phát hiện để trả lại cho người bị hại.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 46/BKLĐGTS ngày 30/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản thuộc Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh T kết luân: Một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius màu đen bạc có giá 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng).

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T thu giữ xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius, biển số 84C1-159.26 và trả lại cho chủ sở hữu xong, hiện đang tạm giữ 01 (Môt) biển kiểm soát xe mô tô 84B1 – 192.93; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu trắng – đen, mode: TA-1034, IMEI1: 357321087852223, IME12: 357321087852231, Sim số: 0378879749, bị trầy sước nhiều chỗ đã qua sử dụng.

Đối với Từ Vũ H không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên không xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì khác.

Tại Bản cáo trạng số: 56/CT-VKS-HS ngày 09/11/2021 Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đã truy tố Nguyễn Văn M về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội "Trộm cắp tài sản" như Bản cáo trạng đã nêu. Sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết, chứng cứ của vụ án và nhân thân của bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, đồng thời đề nghị xử lý tang vật chứng và buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn M đã khai nhận: Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 25/7/2021 Từ Vũ H điều khiển xe mô tô chở bị cáo đi trên đường Nguyễn Tấn L thuộc ấp V, xã L, thành phố T thì bị cáo phát hiện một xe mô tô hiệu Yamaha loại Sirius, biển số 84C1-159.26 trị giá 9.000.000đ (chín triệu đồng) của ông Kiến Văn N dựng trước căn chòi lá không có người trong giữ, bị cáo liền đi vào lấy trộm đem ra ngoài cho H đẩy đi đến ngã ba Cầu T bị cáo dùng cây tua vít đục một lỗ phía trước mặt nạ xe mô tô rồi bứt dây điện điều khiển xe đến nhà của ông Thạch Thành Đ thay biển số xe giả đem về nhà cất giấu, đến ngày 29/7/2021 bị cáo biết hành vi của bị cáo đã bị phát hiện, nên bị cáo đem xe mô tô trên ra dựng ở vỉa hè đường tuyến số 1 thuộc khóm 6, phường , thành phố T, Cơ quan điều tra đã thu giữ.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và tang vật chứng đã thu giữ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn M đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Như Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Xét thấy Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo Nguyễn Văn M về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật, không oan, không sai.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Bản thân bị cáo đã một lần bị Tòa án nhân dân thành phố T xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" khi chấp hành xong hình phạt ra ngoài xã hội bị cáo không chịu cố gắng lao động để tạo lập cho bản thân một nghề nghiệp chân chính mà lại tiếp tục phạm tội mới, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Do đó, cần xử lý nghiêm đối với bị cáo để nhằm răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, giúp Cơ quan điều tra sớm kết thúc vụ án. Là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại ông Kiến Văn N không có yêu cầu. Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về vật chứng: 01 biển kiểm soát 84B1-192.93; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu trắng- đen, model: TA-1034, IMEI1: 357321087852223, IMEI2: 357321087852231, sim số: 0378879749 bị trầy xước nhiều chỗ, đã qua sử dụng. Nghĩ nên tịch thu tiêu hủy và trả lại cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẻ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/7/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Kiến Văn N không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Căn cứ: Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 biển kiểm soát: 84B1- 192.93. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn M 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu trắng- đen, model: TA- 1034, IMEI1: 357321087852223, IMEI2: 357321087852231, sim số: 0378879749 bị trầy xước nhiều chỗ, đã qua sử dụng.

Căn cứ: Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc

bị cáo Nguyễn Văn M nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm xử công khai, báo cho bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND TP.T;
- Chi cục THADS TPTV;
- Sở Tư pháp tỉnh T;
- Nhà tạm giữ CA TP.T;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã Ký

Nguyễn Thanh Sỹ